

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 20-01-2025

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Văn Hải.
- Bà Lương Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh N; sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 67 Nguyễn Minh T, Phường 3, thành phố T, tỉnh L.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồ T; sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 67 Nguyễn Minh T, Phường 3, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hồ T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2002 quyển số 01 ngày 07/01/2002. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn

trên 10 năm nay, tuy ở chung nhà nhưng đã sống ly thân và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần như vậy bà đã rất cố gắng vì con mà nhường nhịn ông T cho qua mọi việc để các con yên tâm học hành nhưng ông T càng ngày càng thiếu trách nhiệm với con cái và không tôn trọng bà, gia đình và người thân của bà, ông T đã công khai chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho con cái. Trong một thời gian dài không khắc phục được tình trạng này mà ngày càng nghiêm trọng hơn khi ông T càng gia trưởng, muốn làm gì thì làm, ai nói cũng bất chấp. Do đó, bà nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài và hôn nhân không được hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồ T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh V, sinh ngày 13/4/2004 và Nguyễn Lê Thanh D, sinh ngày 13/12/2006, đều đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Thanh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Hồ T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà N. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo họp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hồ T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Lê Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồ T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà N và ông T có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà N có yêu cầu ly hôn. Theo kết quả xác minh của công an phường 3, thành phố T, tỉnh L thì hiện ông T vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ số 67 Nguyễn Minh T, Phường 3, thành phố T, tỉnh L. Như vậy cho thấy ông T vẫn biết việc ly hôn với bà N nhưng không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để về chung sống với bà N. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Bà N phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thanh N nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hồ T có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồ T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố T, tỉnh L nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông T tại UBND phường 3, thành phố T, tỉnh L nơi bà N và ông T sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồ T. Bà N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T không chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, ông T ra ngoài chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Bà N và ông T đã ly thân từ nhiều năm nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông T không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông T đã biết được việc bà N yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh V, sinh ngày 13/4/2004 và Nguyễn Lê Thanh D, sinh ngày 13/12/2006, đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồ T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000779 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THA TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**